

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 03.04.2020 Phiên bản 1.12

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	100063
Tên sản phẩm	Acetic acid (glacial) 100% anhydrous for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	64-19-7

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Thuốc thử để phân tích, Sản xuất hóa chất
	Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck (www.merckgroup.com).

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)
Đại diện khu vực	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

1.4 Điện thoại khẩn cấp ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 100063
Tên sản phẩm Acetic acid (glacial) 100% anhydrous for analysis EMSURE®
ACS,ISO,Reag. Ph Eur

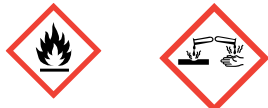
Chất lỏng dễ cháy., Nhóm 3, H226
Ăn mòn da, Nhóm 1A, H314

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

2.2 Các yếu tố nhân

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.
H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P210 Để xa nguồn nhiệt.

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút.

Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và để thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có băn khoăn: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.

Ghi nhãn bị giảm (≤ 125 ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.

Các lưu ý phòng ngừa

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và để thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có băn khoăn: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.

Số CAS 64-19-7

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	100063
Tên sản phẩm	Acetic acid (glacial) 100% anhydrous for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.1 Chất

Công thức	CH ₃ COOH	C ₂ H ₄ O ₂ (Hill)
Số EC	200-580-7	
Khối lượng mol	60,05 g/mol	

Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS Số đăng ký Phân loại

acetic acid (>= 80 % - <= 100 %)

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

64-19-7 *)

Chất lỏng dễ cháy., Nhóm 3, H226
Ăn mòn da, Nhóm 1A, H314

*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H để cập đến trong mục này, xem mục 16.

3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng được

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Lời khuyên chung

Người sơ cứu cần tự bảo vệ mình.

Sau khi hít phải: không khí sạch. Gọi bác sĩ.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa ngay lập tức. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Sau khi nuốt phải: cho bệnh nhân uống nước (tối đa hai cốc), tránh nôn mửa (nguy c thủng dạ dày).

Gọi bác sĩ ngay lập tức. Không cố trung hòa.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	100063
Tên sản phẩm	Acetic acid (glacial) 100% anhydrous for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Kích ứng và ăn mòn, Ho, Buồn nôn, Nôn mửa, viêm phế quản, co thắt dạ dày, Khó thở, sốc, Nghe tuần hoàn máu, Viêm phổi
Rủi ro bị hiện tượng mờ dạng mây ở giác mạc.
Rủi ro bị mù!

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không có thông tin.

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp

Nước, Bọt, Carbon đioxit (CO₂), Bọt khô

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

dễ cháy

Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà.

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí ở nhiệt độ tăng lên.

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

Hòa hoãn có thể gây ra sự biến đổi của:

axit axetic khói

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Thông tin khác

Làm lắng khí, hơi, sương bằng tia bụi nước.

Di chuyển bình chứa khỏi nơi nguy hiểm và làm mát bằng nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Không được hít hơi, aerosol. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Nguy cơ nổ.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 100063
Tên sản phẩm Acetic acid (glacial) 100% anhydrous for analysis EMSURE®
ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Đậy cổng. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10).

Giữ vai trò là chất hấp thụ chất lỏng và trung hòa (ví dụ: Chemizorb® H⁺, Merck Art. No. 101595). Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng.

6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn
Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ

Đề xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.

Các biện pháp vệ sinh

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Điều kiện lưu trữ

Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Đề xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

acetic acid (64-19-7)

VN OEL	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc (TWA):	25 mg/m ³
	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):	35 mg/m ³

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 100063
Tên sản phẩm Acetic acid (glacial) 100% anhydrous for analysis EMSURE®
ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

Bảo vệ mắt/mặt

Kính bảo hộ vừa khí

Bảo vệ tay

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay: cao su butyl
Độ dày của găng: 0,7 mm
Thời gian thấm: 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay: múi cao su thiên nhiên
Độ dày của găng: 0,6 mm
Thời gian thấm: 30 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 898 Butoject® (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 706 Lapren® (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thử nghiệm được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

Thiết bị bảo hộ khác

Quần áo bảo hộ chống tĩnh điện và chống cháy.

Bảo vệ hô hấp

bắt buộc khi có hơi/thuốc xịt.

Loại bộ lọc đề xuất: lọc hô hấp E-(P2)

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.
Nguy cơ nổ.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thể	thể lỏng
Màu sắc	không màu
Mùi đặc trưng	Gây nhức
Ngưỡng mùi	0,2 - 100,1 ppm

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 100063
Tên sản phẩm Acetic acid (glacial) 100% anhydrous for analysis EMSURE®
ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Độ pH	2,5 ở 50 g/l 20 °C
Điểm nóng chảy	17 °C
Điểm sôi/khoảng sôi	116 - 118 °C ở 1.013 hPa
Điểm chớp cháy	40 °C Phương pháp: c.c.
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin.
Giới hạn dưới của cháy nổ	4 %(V)
Giới hạn trên của cháy nổ	19,9 %(V)
Áp suất hóa hơi	15,4 hPa ở 20 °C
Tỷ trọng hơi tương đối	2,07
Mật độ	1,05 g/cm ³ ở 20 °C
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	602,9 g/l ở 25 °C
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	log Pow: -0,17 (25 °C) (thử nghiệm) (ECHA) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin.
Nhiệt độ phân hủy	Có thể chưng cất trong trạng thái chưa phân hủy ở áp suất thường.
Độ nhớt, động lực	1,22 mPa.s ở 20 °C
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính ôxy hóa	không

9.2 Các dữ liệu khác

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	100063
Tên sản phẩm	Acetic acid (glacial) 100% anhydrous for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Nhiệt độ bốc cháy	485 °C
Độ nhớt, động học	1,17 mm ² /s ở 20 °C

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Hỗn hợp hơi/không khí dễ nổ khi nhiệt độ tăng mạnh.

10.2 Tính ổn định hóa học

Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Rủi ro nổ với:

hợp chất peroxi, axit perchloric, axit sulfuric bốc khói, phosfor halogen, hydro peroxide, oxit crôm (VI), kali permanganat, Peroxit, Các chất oxy hóa mạnh

Rủi ro bốc cháy hoặc tạo thành khí hoặc hơi dễ cháy với:

Sắt, kẽm, magie, Thép mềm

Có thể tạo thành:

Hydro

Có thể phản ứng mạnh với:

kiềm mạnh, Andehyt, hydroxit kiềm, halides phi kim, etanolamine, Acetaldehyde, Cồn, hợp chất halogen-halogen, axit chlorosulfonic, axit chromosulfuric, Kali hydroxide, Axit nitric

10.4 Các điều kiện cần tránh

Đun nóng.

Nhiệt độ < 17 °C.

10.5 Các vật liệu xung khắc

các kim loại khác nhau

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

trong trường hợp có hỏa hoạn: Xem chương 5.

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc tính cấp theo đường miệng

LD50 Chuột: 3.310 mg/kg

(RTECS)

Triệu chứng: Nếu ăn phải, sẽ gây bỏng nặng miệng và cổ họng, cũng như có nguy cơ thủng thực quản và dạ dày., Buồn nôn, Nôn mửa, Rủi ro hít vào khi nôn ra., Có thể bị suy hô hấp sau khi hít phải chất nôn mửa.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 100063
Tên sản phẩm Acetic acid (glacial) 100% anhydrous for analysis EMSURE®
ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Độc tính cấp do hít phải
LCLO Chuột: 39,95 mg/l; 4 h
(RTECS)

Triệu chứng: kích thích màng nhầy, Ho, Khó thở, Hư hỏng có thể:, hư hỏng khoang hô hấp, Viêm phổi, viêm phế quản, Hít vào có thể dẫn đến phù nề trong khoang hô hấp., Các triệu chứng có thể bị chậm lại

Độc tính cấp qua da
Thông tin này không có sẵn.

Kích ứng da
Thỏ
Kết quả: Gây bong.

IUCLID)
Gây bong nặng.

Kích ứng mắt
Thỏ
Kết quả: Gây bong.

IUCLID)

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Rủi ro bị mù!

Nhạy cảm
Thông tin này không có sẵn.

Biến đổi tế bào gốc
Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm
Xét nghiệm Ames
Salmonella typhimurium
Kết quả: Âm tính
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471

Chất gây đột biến (kiểm tra tế bào động vật có vú): đột biến thể nhiễm sắc.
Kết quả: Âm tính
Phương pháp: Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 473

Độc tính gây ung thư
Thông tin này không có sẵn.

Độc tính đối với sinh sản
Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây quái thai
Không thấy các tác nhân gây quái thai trong các thí nghiệm trên động vật. IUCLID)

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)
Thông tin này không có sẵn.

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần
Thông tin này không có sẵn.

Nguy cơ hô hấp
Thông tin này không có sẵn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	100063
Tên sản phẩm	Acetic acid (glacial) 100% anhydrous for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

11.2 Thông tin khác

Ảnh hưởng hệ thống:
Khó thở, co thắt dạ dày, sốc, Nghẽn tuần hoàn máu, Nhiễm axit
Hư hỏng có thể:
Hư hỏng đối với:
Thận
Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác
Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Độc đối với cá

Thử nghiệm bán tính LC50 *Oncorhynchus mykiss* (cá hồi cầu vồng): > 300,8 mg/l;
96 h
Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác

EC5 *E.sulcatum*: 78 mg/l; 72 h
trung tính (nồng độ chất độc tối đa được phép) (Lít)

EC50 *Daphnia magna* (Bọ nước): 47 mg/l; 24 h
(Lít)

Độc đối với tảo

IC5 *Scenedesmus quadricauda* (Tảo lục): 4.000 mg/l; 16 h
(nồng độ chất độc tối đa được phép) (Lít)

Độc tính đối với vi khuẩn

EC5 *Pseudomonas putida* (Vi khuẩn *Pseudomonas putida*): 2.850 mg/l; 16 h
trung tính (nồng độ chất độc tối đa được phép) (Lít)

kiểm tra độc tố EC50 *Photobacterium phosphoreum* (Vi khuẩn phát huỳnh quang):
11 mg/l; 15 min
IUCLID)

12.2 Tính bền vững và phân hủy

Tính phân hủy sinh học

99 %; 30 d
Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 301D
(HSDB)
Dễ phân hủy sinh học.

95 %; 5 d
Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 302B
Dễ bị tách khỏi nước

Nhu cầu Oxy Sinh hoá (BOD)
880 mg/g (5 d)

(Lít)

Ratio BOD/ThBOD

BOD5 76 %

IUCLID)

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	100063
Tên sản phẩm	Acetic acid (glacial) 100% anhydrous for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Hệ số phân tán: n-octanol/nước
log Pow: -0,17 (25 °C)
(thử nghiệm)

(ECHA) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Các thông tin sinh thái khác

Hiệu ứng sinh học:

Tác dụng có hại do thay đổi pH. Ăn mòn ngay cả ở dạng pha loãng.

Cần tránh thải loại vào môi trường.

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các phương pháp xử lý chất thải

Rác thải phải được vớt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bẩn giống như xử lý sản phẩm.

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN	UN 2789
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	ACETIC ACID, GLACIAL
14.3 Hạng	8 (3)
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	--
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	D/E

Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

Vận tải đường không (IATA)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 100063
Tên sản phẩm Acetic acid (glacial) 100% anhydrous for analysis EMSURE®
ACS,ISO,Reag. Ph Eur

14.1 Số UN UN 2789
14.2 Tên vận chuyển thích hợp ACETIC ACID, GLACIAL
14.3 Hạng 8 (3)
14.4 Nhóm đóng gói II
14.5 môi trường độc hại --
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng không

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1 Số UN UN 2789
14.2 Tên vận chuyển thích hợp ACETIC ACID, GLACIAL
14.3 Hạng 8 (3)
14.4 Nhóm đóng gói II
14.5 môi trường độc hại --
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng có
EmS F-E S-C

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC
Không liên quan

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Luật pháp quốc gia
Lớp cất giữ 3

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

Phần 16. Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.
H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.

Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

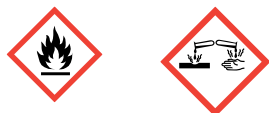
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

100063
Acetic acid (glacial) 100% anhydrous for analysis EMSURE®
ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Dán nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.
H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P210 Để xa nguồn nhiệt.

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút.

Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và để thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có bất khoản: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.

Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.

Cảnh xúch dựng thđng hiệu ở ầu trang v#/hoặc chđng trang của tđng liệu nđng c# thể tạm thời khđng ph# hợp trực quan với sản phẩm đợc mua khi chđng tđng chuyển ổi thđng hiệu của mình. Tuy nhiên, tất cả thông tin trong tđng liệu liđng quan ến sản phẩm vẫn khđng thay ổi v# ph# hợp với sản phẩm đợc ặt hđng. ể biết thđng tin xin vui lòng liên hệ mlsbranding@sial.com.